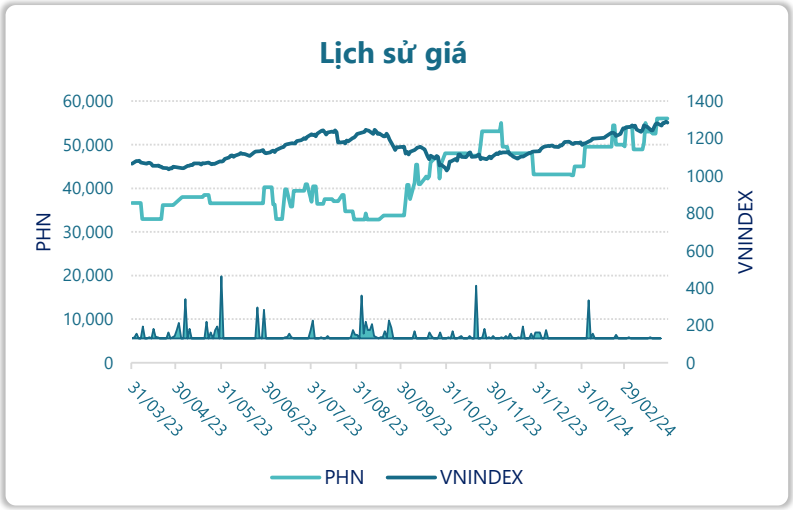
FireAnt

CTCP Pin Hà Nội (HNX: PHN)



Thông tin giao dịch	31/03/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**56,000**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	56,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	32,835
SL cổ phiếu LH	7,253,911
KLGD BQ 20 phiên (CP)	160
% sở hữu nước ngoài	49.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	406
P/E	6.8
EPS	8,294

DT thuần

Q1/24

126

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 31.9| 34.0%

YoY: ▲ 14.0| 12.6%

LN sau thuế

Q1/24

21.5

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 9.10| 73.4%

YoY: ▲ 9.10| 73.4%

Tỷ suất lãi EBIT

2023

15.1%

+/- YoY: ▲ 5.0%

DT thuần

2023

424

tỷ VNĐ

YoY: ▼37.0| -8.1%

LN sau thuế

2023

51.0

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 14.3| 38.9%

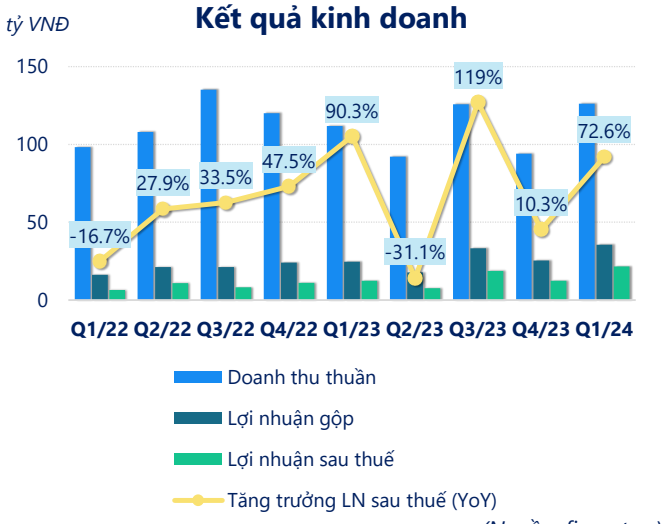
ROE

2023

37.5%

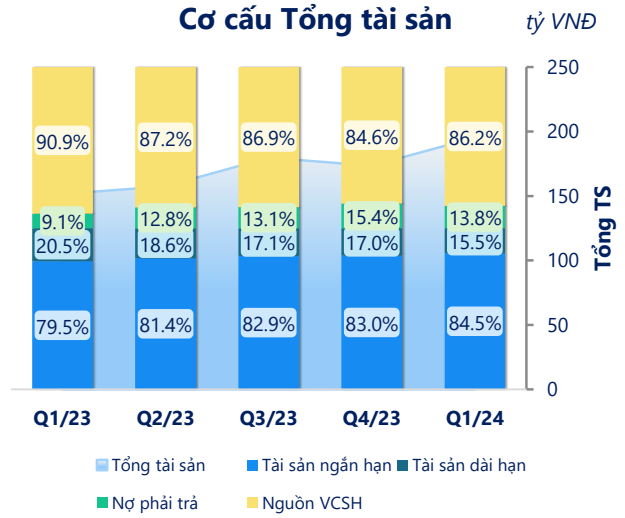
+/- YoY: ▲ 6.4%

Kết quả kinh doanh



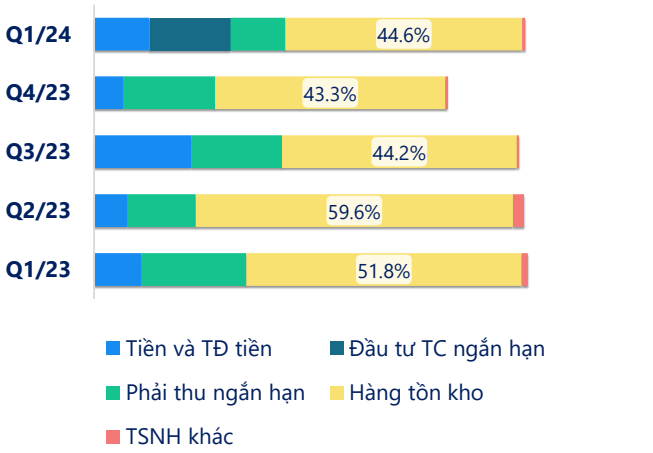
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



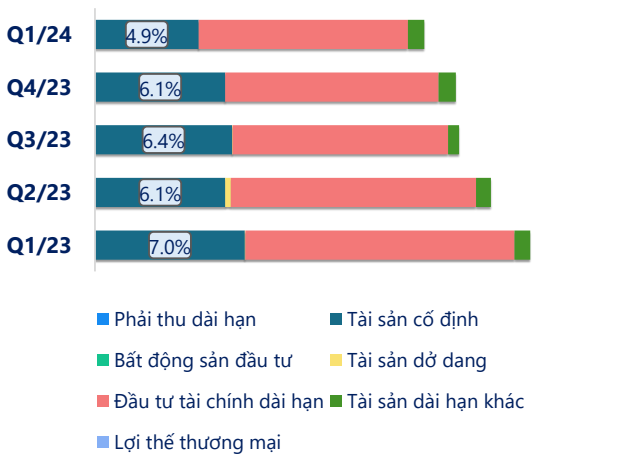
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



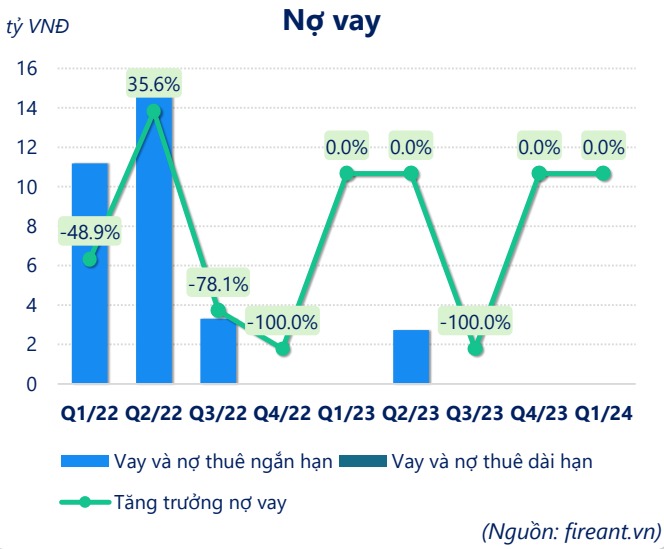
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



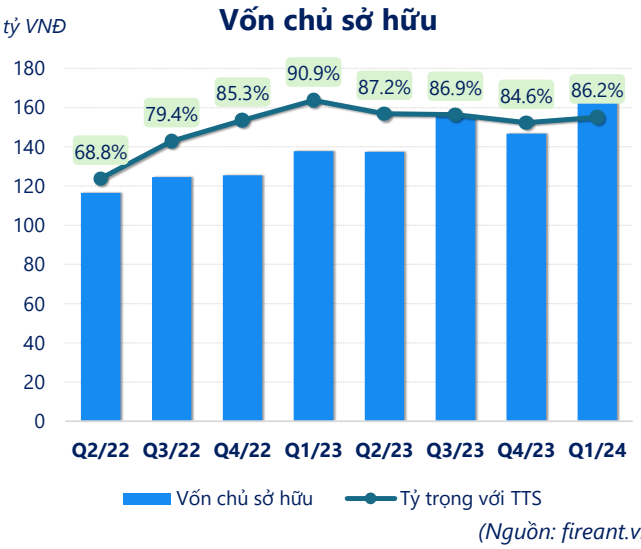
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



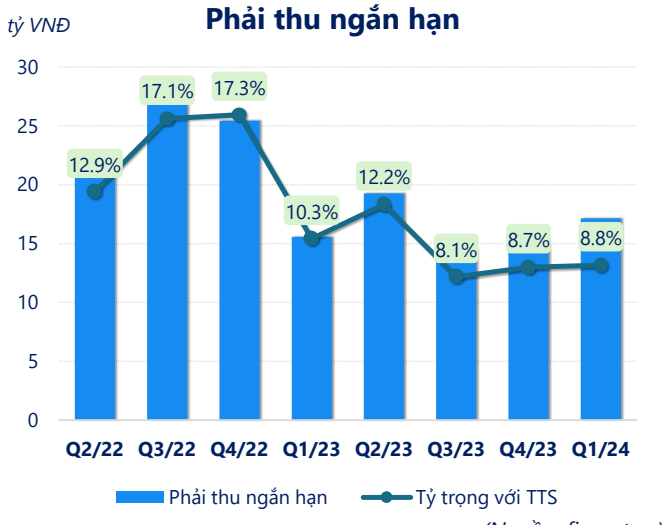
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



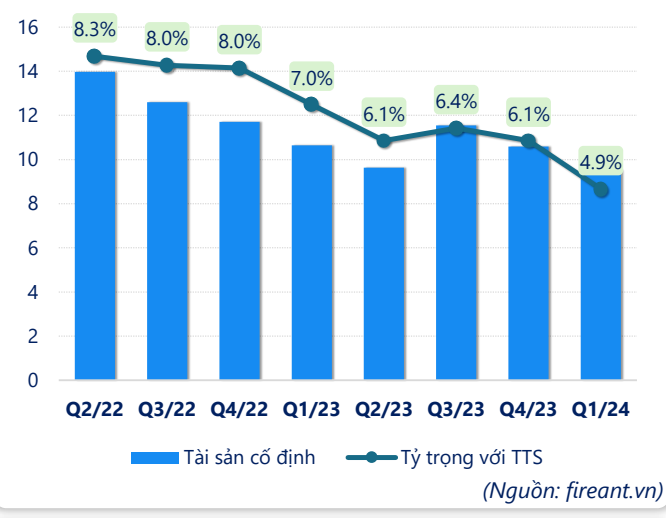
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



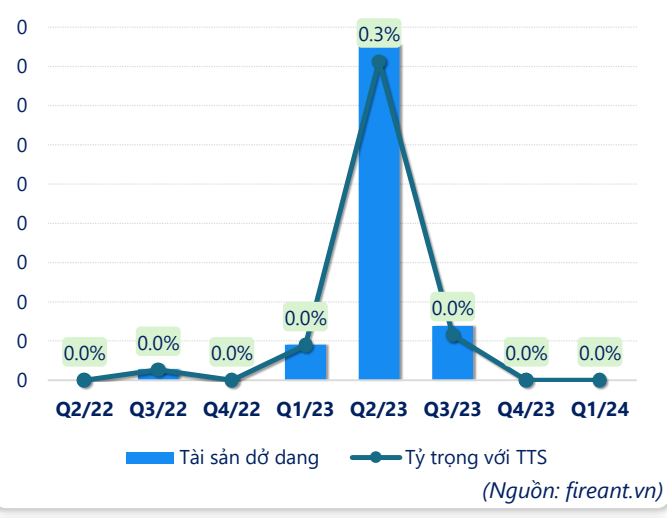
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



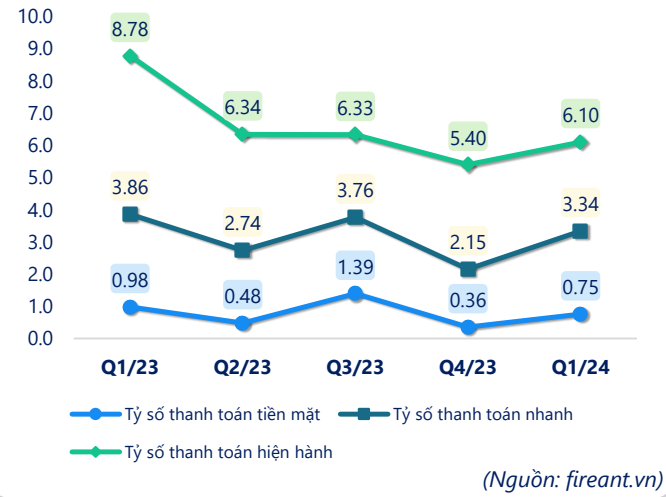
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



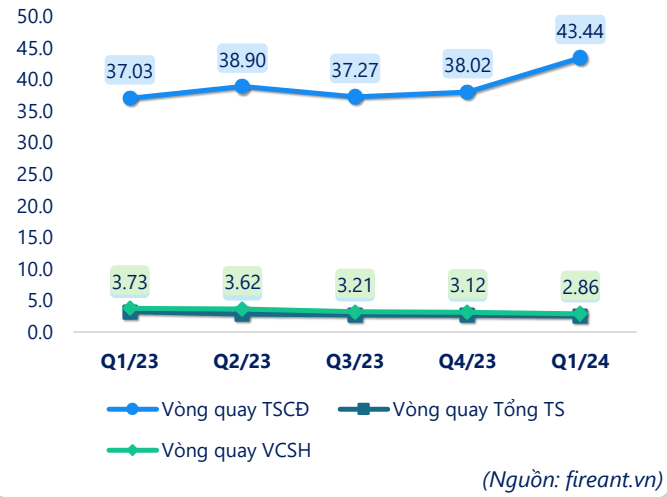
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Tổng tài sản	**152**	**158**	**180**	**173**	**195**
Tài sản ngắn hạn	**121**	**128**	**149**	**144**	**165**
Tiền và tương đương tiền	13.5	9.75	32.8	9.48	20.4
Đầu tư tài chính ngắn hạn	23.1	25.0	40.0	31.0	52.0
Phải thu ngắn hạn	15.6	19.3	14.6	15.0	17.2
Hàng tồn kho	67.6	72.9	60.3	86.6	74.7
Tài sản ngắn hạn khác	0.79	1.33	1.18	1.89	0.76
Tài sản dài hạn	**31.0**	**29.4**	**30.8**	**29.4**	**30.2**
Phải thu dài hạn	0.02	0.02	0.02	0.02	0
Tài sản cố định	10.6	9.63	11.5	10.6	9.52
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0.05	0.43	0.07	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	19.2	18.2	18.2	17.4	19.2
Tài sản dài hạn khác	1.12	1.10	0.95	1.40	1.51
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**13.7**	**20.2**	**23.5**	**26.7**	**27.0**
Nợ ngắn hạn	**13.7**	**20.2**	**23.5**	**26.7**	**27.0**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	2.73	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	4.28	3.63	6.74	8.45	12.0
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**138**	**137**	**156**	**147**	**168**
Vốn chủ sở hữu	**138**	**137**	**156**	**147**	**168**
Vốn điều lệ	72.5	72.5	72.5	72.5	72.5
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)